

VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH

(Trích thượng kinh ký sự)

Lê Hữu Trác

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả

2. Tác phẩm.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (HS trả lời câu hỏi trong SGK)

Câu 1:

- Quang cảnh trong phủ chúa.

+ Nhiều cây cối, chim chóc, hoa lá.

+ Lầu son, gác tía, các dãy hành lang quanh co nối tiếp nhau.

+ Đồ đạc sơn son thếp vàng, mâm vàng chén bạc, lụa là gấm vóc...

+ Người hầu hạ đông đúc.

- Cung cách sinh hoạt trong phủ chúa: nghi lễ, khuôn phép, cách nói năng, cao sang, quyền quý, cuộc sống xa hoa.

- Cách nhìn nhận của tác giả về : mặc dù khen đẹp, sang nhưng vẫn dừng đứng trước những thứ vật chất xa hoa, thừa thãi.

Câu 2: Hướng dẫn HS tìm chi tiết “đắt” và phân tích.

Câu 3:

- Ông là một thầy thuốc giỏi, có kiến thức sâu rộng và già dặn kinh nghiệm.

- Một thầy thuốc có lương tâm và đức độ.

- Coi thường danh lợi, quyền quý, yêu thích tự do và lối sống thanh đạm.

Câu 4: Nghệ thuật.

Quan sát tỉ mỉ, ghi chép trung thực, tả cảnh sinh động, dẫn dắt sự việc khéo léo => lôi cuốn người đọc.

CHỦ ĐỀ 1: THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT

CHỦ ĐỀ 1: THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

TỰ TÌNH

(Bài II)

Hồ Xuân Hương

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả

- Chưa rõ năm sinh năm mất
- Quê ở Nghệ An nhưng sinh ra và lớn lên ở Thăng Long.
- Cuộc đời tình duyên nhiều lận đận (hai lần làm lẽ)
- Bà là người đa tài và đa tình, phóng túng thường giao lưu với tài tử danh nhân.
- Sự nghiệp bà để lại hơn 60 bài thơ nhưng chính sự độc đáo trong thơ của bà đã làm nên tên tuổi bà.
- Bà được mệnh danh là “*Bà chúa thơ Nôm*”.

2. Tác phẩm.

- Tự tình gồm 3 bài
- Tự tình: giải bày tâm trạng
- Bố cục: đề, thực, luận, kết.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Hai câu đầu:

“*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn*
Trơ cái hồng nhan với nước non”

- Thời gian: “*Đêm khuya*” với âm thanh “*tiếng trống dồn*” → thể hiện bước đi dồn dập của thời gian và sự rối bời của tâm trạng.
- “*hồng nhan*” là dung nhan của người thiếu nữ nhưng lại đi với từ “*cái*” thật là rẻ rúng mỉa mai.
- “*trơ*”: tủi hổ, bẽ bàng đặt ở đầu câu có tác dụng nhấn mạnh.
- Cách ngắt nhịp 1/3/3 gợi lên sự bực phận đắng cay bẽ bàng của thân phận lẻ mọn

2. Hai câu thực:

*“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh
Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn”*

Tìm quên trong chén rượu nhưng say rồi lại tỉnh, quên rồi lại nhớ (nhớ về thân phận đó là phận hẩm duyên ôi) → Càng rã rời , chán chường.

- “*Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn*” gợi lên ý niệm về sự dở dang, muộn màng, không trọn vẹn trong hạnh phúc, trong nhân duyên.

3.Hai câu luận:

*“ Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn”*

-“*rêu*” và “*đá*” là những vật mềm yếu, thấp bé nhưng không cam chịu. Đá rêu ấy cũng muốn xé trời, vạch đất để bức phá vùng vẫy , để cho thỏa nỗi uất ức của tử hờn.

- Nghệ thuật đối đảo sử dụng những động từ mạnh thể hiện một cá tính độc đáo của Xuân Hương: bướng bỉnh, ngang ngạnh, muốn giải thoát số phận hoàn cảnh.

→ Sự phản kháng niềm phẫn uất của đá, rêu hay chính là của tác giả

4.Hai câu kết:

*“Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con!”*

- Xuân: có nghĩa là mùa xuân

-Ngán: là chán ngán, là ngán ngẫm.

→ Sự trở lại của mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân→ Nỗi buồn càng lớn hơn.

- Mảnh tình – san sẻ - tí – con con: sử dụng nghệ thuật tăng tiến nhấn mạnh rằng sự nhỏ bé cho cái nghịch cảnh éo le, xót xa đến tội nghiệp.

→ Tâm trạng phận làm lẽ, nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội xưa.

GHI NHỚ (SGK)

CÂU CÁ MÙA THU

Nguyễn Khuyến

I. TÌM HIỂU CHUNG

1.Tác giả

2. Tác phẩm.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Cảnh thu:

a. Điểm nhìn để cảm nhận cảnh thu

- Từ gần đến cao xa, rồi từ cao xa trở lại gần: từ chiếc thuyền nhìn ra mặt ao → bầu trời → ngô trúc → ao thu → thuyền câu → từ khung ao hẹp, không gian và cảnh sắc mùa thu mở ra theo chiều hướng sinh động.

b. Nét riêng của cảnh sắc màu thu:

- Sự dịu nhẹ, thanh sơ của cảnh vật:

+ Màu sắc: nước trong veo, sóng biếc, trời xanh ngắt, lá vàng.

+ Đường nét chuyển động nhẹ nhàng: “*sóng hơi gợn tí*”, “*lá vàng khẽ đưa*”, “*tầng mây lơ lửng*”

+ Ao thu nhỏ, thuyền câu bé tẻo teo, và dáng người như thu nhỏ lại

- Hình ảnh bình dị, thân thuộc: ao thu, thuyền câu, ngô trúc.

→ Bài thơ không chỉ thể hiện cái hồn của cảnh thu mà còn là cái hồn của làng quê Bắc Bộ dân dã, đầy sức sống.

c. Không gian: tĩnh lặng, phẳng phất buồn.

- “*Ngô trúc quanh co khách vắng teo*” : là vắng tuyệt đối không một bóng người.

- Các chuyển động rất nhẹ, rất khẽ không đủ để tạo ra âm thanh : “*sóng hơi gợn tí*”, “*tầng mây lơ lửng*”, “*lá vàng khẽ đưa*” → làm nổi bật sự tĩnh lặng.

- Âm thanh duy nhất là cá đớp mồi ở đâu đó (nghệ thuật lấy động nói tĩnh) càng làm tăng thêm sự vắng lặng của không gian.

2. Tình thu:

- Nói chuyện câu cá thật ra là để đón nhận trời thu, cảnh thu vào cõi lòng. → Tình yêu thiên nhiên tha thiết

- Nhiều gam màu xanh gợi cảm giác se lạnh của cảnh thu thấm vào tâm hồn của nhà thơ và ngược lại

- “*Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo*” là câu thơ vừa tả ngoại cảnh lẫn tâm cảnh → Nỗi cô đơn, uẩn khuất trong tâm hồn thi nhân

=> Một tâm hồn yêu thiên nhiên đất nước thâm kín mà sâu sắc.

3. Nghệ thuật:

- Ngôn ngữ giản dị trong sáng, diện đạt được những biểu hiện tinh tế của cảnh vật và tâm trạng.
- Sử dụng vần “eo”- tử vận một cách tài tình và độc đáo.
- Nghệ thuật lấy động nói tĩnh.

GHI NHỚ (SGK/22)

THƯƠNG VỢ

Trần Tế Xương

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

- Trần Tế Xương(1870-7907), thường gọi là Tế Xương, quê ở làng Vị Xuyên, tỉnh Nam Định
- Ông chỉ sống có 37 năm, sáng tác hơn 100 tác phẩm, nhưng sự nghiệp văn thơ của ông đã trở thành bất tử.
- Tác phẩm của ông chia làm hai mảng: trào phúng và trữ tình.

2. Tác phẩm.

❖ Cảm hứng sáng tác:

Viết về vợ bà Phạm Thị Mẫn là một người mẫu mực, tháo vát và hết mực yêu thương chồng con → là người phụ nữ Việt Nam tiêu biểu.

❖ Thể thơ:

❖ Bố cục:

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN.

1. Hai câu đề: **Nỗi vất vả, gian truân của bà Tú**

*“Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng”*

❖ Câu 1:

- Thời gian: “*Quanh năm*” là một cụm từ chỉ thời gian trường kì, lặp đi lặp lại như một vòng tuần hoàn khép kín của tự nhiên, trải dài ngày tháng này đến ngày tháng khác, năm này qua năm nọ, mặc cho nắng gắt hay mưa rào,...
 - Địa điểm: “*mom sông*” là phần đất nhô ra ở lòng sông → gọi ra tư thế chênh vênh, dễ sụp, nơi đầu sóng, ngọn gió, đầy bất trắc nguy hiểm.
- => *Hình ảnh của bà Tú với sự vất vả, tần tảo với công việc mua sinh.*

❖ Câu 2:

- “*nuôi đủ*” là không thừa không thiếu, đủ ăn, đủ mặc, đủ tiêu pha. → Sự đảm đang tháo vát, chu đáo với chồng con.
 - Sắp xếp số từ: “*năm con với một chồng*” → ông Tú đã hạ mình ngang hàng, thậm chí là sau các con → tự nhận mình là kẻ ăn bám vợ
- => *Thể hiện sự tri công tri ân; ân hận*

2. Hai câu thực: Gọi tả cụ thể hơn cuộc sống tàn tảo buồn bán ngược xuôi của bà Tú:

*“Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.”*

- Mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói về bà Tú, thể hiện sự sáng tạo của Tú Xương:

+ Đảo ngữ

+ Thay “con cò” bằng “thân cò” làm nổi bật sự vất vả, đơn chiếc của bà Tú.

- Nghệ thuật đối làm nổi bật sự vất vả, gian truân của bà Tú:

+ “*khi quãng vắng*”: là vắng vẻ, nói lên cái rợn ngợp của không gian và thời gian.

+ “*buổi đò đông*”: là đông đò, đông người, gợi sự chen chúc nguy hiểm.

=> Sự vất vả, gian truân, nguy hiểm đồng thời cho thấy vì chồng vì con, bà Tú chấp nhận tất cả, lặn lội với cuộc sống. → Tấm lòng yêu thương vợ tha thiết của Tú Xương.

3. Hai câu luận:

*“Một duyên hai nợ âu đành phận
Năm nắng mười mưa dám quản công”*

- “*Một duyên hai nợ*” là thành ngữ → duyên chỉ một mà nợ những hai, bà Tú không một lời phàn nàn mà lặng lẽ chấp nhận vì chồng vì con.

- “*Năm nắng mười mưa*” chỉ sự vất vả → đức tính chịu thương, chịu khó hết lòng vì chồng vì con của bà Tú

=> Sự hi sinh của bà Tú.

4. Hai câu kết: là lời chuộc lỗi, tấm lòng của Tú Xương

*“Cha mẹ thói đời ăn ở bạc
Có chồng hờ hững cũng như không.”*

- “*thói đời*”: chính là thói xấu của xã hội, người đời trọng nam khinh nữ.

- “*Có chồng hờ hững cũng như không*”: Tú Xương đã tự rửa mặt mình, cũng là lời tự phán xét, tự lên án, coi mình là cái nợ đời mà bà Tú phải trả.

=> Tú Xương đã mượn lời bà Tú để phán xét, tự lên án mình, điều ấy mang một ý nghĩa xã hội sâu sắc. Lên án mình, lên án xã hội, đồng thời cũng cho thấy nhân cách cao đẹp của Tú Xương.

GHI NHỚ SGK/30